|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT  TP. HỒ CHÍ MINH  KHOA IN VÀ TRUYỀN THÔNG | **Ngành đào tạo: Công nghệ In**  **Trình độ đào tạo: Đại học**  **Chương trình đào tạo: Công nghệ in** |

**Đề c­ương chi tiết học phần**

1. **Tên học phần:** **NHẬP MÔN NGÀNH CÔNG NGHỆ IN Mã học phần:** INPR-130155
2. **Tên Tiếng Anh:**Printing Materials
3. **Số tín chỉ:** 3 tín chỉ (2+1) (2 tín chỉ lý thuyết, 1 tín chỉ thực hành)
4. **Phân bố thời gian:** (2:2:6) (2 tiết lý thuyết + 2 tiết thực hành + 6 tiết tự học /tuần)

Thời gian học: 15 tuần

1. **Các giảng viên phụ trách học phần**

1/ GV phụ trách chính: Ths. GVC.Trần Thanh Hà

2/ Danh sách giảng viên cùng GD:

2.1/ Ths. –Giảng viên Nguyễn Thị Lại Giang

2.2/ Ths. –Giảng viên –Lê Công Danh

1. **Điều kiện tham gia học tập học phần**

**Môn học trước:** Không

**Môn học tiên quyết:** Không

**Khác:** Không

1. **Mô tả tóm tắt học phần**

Học phần nhập môn ngành được thiết kế để giúp sinh viên năm thứ nhất làm quen với môi trường mới và tiến bước thành công trên con đường trở thành kỹ sư Công nghệ in tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TPHCM.

Học phần này trang bị cho sinh viên về định hướng nghề nghiệp, các kỹ năng mềm cũng như nền tảng đạo đức nghề nghiệp. Các kiến thức cung cấp bao gồm:

* ***Các kiến thức cơ bản về trường ĐHSPKT:***
* Mô tả được sơ đồ tổ chức, định hướng của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh, Khoa chuyên ngành (Đào tạo Chất lượng cao; In và Truyền thông), sơ đồ tổ chức của Đoàn thanh niên, các hoạt động của các câu lạc bộ của trường
* ***Các kiến thức cơ bản về ngành công nghiệp in:***
* Vai trò vị trí của ngành in trong đời sống xã hội
* Xu hướng phát triển của ngành In và công nghệ In
* Các sản phẩm in chính và quy trình sản xuất sản phẩm in.
* Thị trường lao động ngành in
* Các cơ hội nghề nghiệp của các kỹ sư in.
* ***Các kiến thức cơ bản về chương trình đào tạo kỹ sư công nghệ in***
* Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo công nghệ in
* Các môn học trong chương trình đào tạo
* Sơ đồ chương trình đào tạo
* Các phân ngành đào tạo
* Hướng phát triển sau khi ra trường
* ***Các kiến thức kỹ năng mềm cần thiết cho quá trình học tập:***
* Các phương pháp tìm kiếm, phân loại và xử lý thông tin.
* Kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, soạn thảo báo cáo và thuyết trình, kỹ năng lãnh đạo, quản lý dự án, khởi nghiệp, học tập suốt đời…
* Kỹ năng quản lý hiệu quả thời gian và nguồn lực bản thân.
* Kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh

1. **Mục tiêu học phần (Course Goals)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả**  ***(Goal description)***  *(Học phần này trang bị cho sinh viên:)* | **Chuẩn đầu ra**  **CTĐT** |
| **G1** | Kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực công nghệ kỹ thuật in như: Dạng sản phẩm in, quy trình công nghệ (chế bản, in và thành phẩm) | 1.2 |
| **G2** | Khả năng phân tích, giải thích và lập luận giải quyết các vấn đề kỹ thuật in. | 2.1, 2.2, 2.4, 2.5, |
| **G3** | Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và khả năng đọc hiểu các tài liệu kỹ thuật bằng tiếng Anh | 3.1, 3.2, 3.3 |
| **G4** | Kỹ năng làm việc theo chuẩn mực của người kỹ sư trong ngành in | 4.1, 4.2 |

1. **Chuẩn đầu ra của học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra HP** | | **Mô tả**  *(Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)* | **Chuẩn đầu ra CDIO** |
| **G1** | G1.1 | Hiểu biết các công nghệ và các quy trình chế bản cho các dạng sản phẩm in. | 1.2.5 |
| G1.2 | Hiểu biết các công nghệ và các quy trình in cho các dạng sản phẩm in | 1.2.6 |
| G1.3 | Hiểu biết các công nghệ và các quy trình thành phẩm cho các dạng sản phẩm in. | 1.2.7 |
| **G2** | G2.1 | Nhận dạng các dạng sản phẩm in và xác định thông số kỹ thuật của sản phẩm. | 2.1.1. |
| G2.2 | Có khả năng tổng quát hóa và phân tích | 2.1.2. |
| G2.3 | Có khả năng xác định các yếu tố ảnh hưởng đến vân đề nghiên cứu; phân tích ảnh hưởng của từng yếu tố đến vấn đề nghiên cứu; Đề xuất các phương án giải quyết vấn đề | 2.1.4. |
| G2.4 | Có khả năng sử dụng tài liệu trong nghiên cứu | 2.2.2 |
| G2.5 | Có kỹ năng tìm hiểu kiến thức; ý thức không ngừng nâng cao kiến thức và kỹ năng của bản thân | 2.4.5 |
| G2.6 | Có kỹ năng lập kế hoạch, quản lý thời gian và nguồn lực bản thân | 2.4.6 |
| G2.7 | Luôn cập nhật thông tin trong lĩnh vực kỹ thuật | 2.5.3 |
| **G3** | G3.1 | Có kỹ năng giao tiếp bằng văn bản và bằng lời (Tiếng Việt) | 3.2.1. |
| G3.2 | Có trình độ tin học căn bản để xử lý văn bản, giao tiếp trực tuyến và giao tiếp đồ họa, thuyết trình | 3.2.2. |
| G3.3 | Có kỹ năng giao tiếp bằng văn bản và bằng lời (Tiếng Anh) | 3.3.1 |
| **G4** | G4.1 | Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đứng đắn; | 4.1.1. |
| G4.2 | Hiểu, biết các mối quan hệ giữa các đối tác (nhà xuất bản, khách hàng cần quảng cáo, cần bao bì) với các doanh nghiệp In. | 4.1.2. |
| G4.3 | Hiểu biết các luật định liên quan đến ngành In như luật xuất bản, các nghị định liên quan. | 4.1.3. |
| G4.4 | Hiểu các xu hướng phát triển của ngành In thế giới. | 4.1.4. |
| G4.5 | Mô tả được công việc của các vị trí công tác trong doang nghiệp in, mối liên hệ giữa các vị trí công tác. | 4.2.2. |

1. **Tài liệu học tập**

**-** Sách, giáo trình chính:

1. Tập bài giảng: Tất cả bài giảng, bài tập, và những file liên quan.
2. Sổ tay sinh viên

- Sách (TLTK) tham khảo: (tiếng Việt)

1. *Đại cương về sản xuất in,* trường Đại học Sư Phạm Kỹ Thuật tp. Hồ Chí Minh
2. *Luật Xuất bản 2012* (Luật số: 19/2012/QH13)

- Sách (TLTK) tham khảo: (tiếng Anh)

1. Helmut Kipphan, *Hand book of Print Media,* Heidelberg, 2000.
2. Philip Kosky, Robert Balmer, William Keat, George Wise, *Exploring Engineering – An Introduction to Engineering and Design*, Second Edition, Academic Press is an imprint of Elsevier, 2010

*Tất cả sách, tập bài giảng, các file liên quan, và hệ thống bài tập sẽ được gởi vào email của lớp.*

1. **Đánh giá sinh viên (GV gởi đến SV đầu học phần):**
2. **Nội dung chi tiết học phần: (GV gởi đến SV đầu học phần)**
3. **Đạo đức khoa học:**

Các bài tập ở nhà và dự án phải được thực hiện từ chính bản thân sinh viên. Nếu bị phát hiện có sao chép thì xử lý các sinh viên có liên quan bằng hình thức đánh giá **0** (không) điểm quá trình và cuối kỳ.

1. **Ngày phê duyệt lần đầu:**
2. **Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa** | **Trưởng BM** | **Nhóm biên soạn** |
|  |  |  |

1. **Tiến trình cập nhật ĐCCT**

|  |  |
| --- | --- |
| **Lấn 1:** Nội Dung Cập nhật ĐCCT lần 1: ngày tháng năm | **<**người cập nhật ký và ghi rõ họ tên)  Tổ trưởng Bộ môn: |